

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2017/HSST
Ngày 26/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Văn Phơ**

2/ Ông **Huỳnh Phước**

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà **Trịnh Thị Ánh Hồng** - Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Đoàn Trọng N**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số 45/11 đường M, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Nhựt N (chết) và bà Trần Thị Đ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2017. (có mặt)

2. **Trần Thanh L**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 292/8/5 đường L, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Việt H và bà Ngô Thị Tuyết M; Tiền án: 01 lần, vào ngày 03/01/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 03/2008/HSPT, đến ngày 17/01/2009 bị cáo chấp hành xong hình phạt, đến nay bị cáo đã được xóa án tích; Tiền sự: 01 lần, vào ngày

16/12/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số 1403/QĐHC-UBND thời hạn là 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến lần phạm này chưa được coi là chưa bị xử phạt hay xử lý hành chính; Bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2017. (có mặt)

* *Người bị hại:* Ông **Lưu Kim C**, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Số 163/2 đường T, Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Số 45/11 đường M, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Những người làm chứng:*

1. Ông **Dương B**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 90M đường T, Khóm 4, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông **Danh Văn H**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 399A đường T, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Bà **Phạm Thị Y**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Nhà trọ 1A Số 50 đường D, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Ông **Lương Nguyễn H**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 319 đường N, Khóm 5, Phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1981; Nơi thường trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Anh **Phạm Minh T**, sinh năm 2001. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng Phạm Minh T:* Bà **Phạm Thị Y**, sinh năm 1991 – Là chị ruột của Phạm Minh T. (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Nhà trọ 1A Số 50 đường D, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đoàn Trọng N và Trần Thanh L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đoàn Trọng N và Trần Thanh L là bạn bè của nhau và là những người không có nghề nghiệp ổn định và nghiện ma túy.

Vào khoảng 06 giờ ngày 30/4/2017 tại đường N, Phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, N gặp và rủ L đi tìm tài sản của người khác để sơ hở trộm cắp,

thì L đồng ý. Sau khi đã thống nhất với nhau, lúc này N điều khiển xe mô tô biển số 83H1-0730 chở L ngồi sau đi trên các tuyến đường của Trung tâm thành phố S tìm tài sản để trộm cắp nhưng chưa tìm thấy, N tiếp tục chở L đi trên đường Quốc lộ 60 được một đoạn thì dừng lại đổi cho L điều khiển xe chở N đi đến đường T theo hướng về Trung tâm thành phố S. Khi đi ngang nhà của ông Liêu Hồng S tại Số 19 đường T, Khóm 3, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì lúc này N nhìn thấy có 03 chiếc xe đạp đang dựng ở bên trong cổng rào nhà ông S, nên N kêu L điều khiển xe đi đổ xăng rồi quay chở lại nhà ông S để trộm cắp tài sản, thì L đồng ý. Khi đến nhà ông S thì L đậu xe phía trước ngoài chõ, còn N đi vào bên trong nhà, thấy cổng rào phụ không đóng, không có người trông giữ xe nên N đi vào bên trong sân nhà lấy 01 chiếc xe đạp sườn ngang, màu xanh đậm, dạng xe thể thao của ông Lưu Kim C là bạn của ông S đang đậu cặp cổng rào, N đi vào lấy xe vác lên vai rồi mang ra để ở giữa yên xe mô tô cho L chở, N ngồi sau nắm giữ xe đạp, còn L điều khiển chạy về hướng đường Quốc lộ 60, lúc N đang lấy trộm xe thì anh Dương B ở gần đó phát hiện, nên rủ anh Danh Văn H lấy xe mô tô đuổi theo bắt giữ N và L, do thấy anh B và anh H đuổi theo và tri hô, nên N kêu L tăng ga xe chạy nhanh để tẩu thoát, L chạy đi được khoảng 10 km do xe chạy với tốc độ cao L không làm chủ được tay lái nên đến đoạn đường giao lộ giữa đường N và đường tránh Trung tâm thành phố S thì bị té ngã, lúc này anh B và anh H đuổi kịp, anh B xông vào không chế N, thì N bỏ chạy vào nhà anh Lương Nguyễn H tại Số nhà 319 đường N, Khóm 5, Phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng lấy một cây búa bằng sắt chạy ra đánh anh B, làm trúng vào tay trái và ngực trái của anh B gây thương tích, khi anh H thấy anh B bị đánh nên lấy dây nịch chạy lại tiếp, thì bị N dùng búa đánh anh H nhưng không trúng, còn L lúc này lượm đá ở ven đường ném về phía anh B và anh H để hỗ trợ cho N nhưng không trúng. L lấy xe mô tô chở N chạy được một đoạn khoảng 30 mét thì bị hư, nên L và N dẫn xe vào một nhà kho đang xây dựng của Công ty S ở gần đó để lẩn trốn thì bị quần chúng báo Công an đến bắt giữ N và L cùng vật chứng.

Trong quá trình điều tra thì Đoàn Trọng N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, còn Trần Thanh L quanh co không thừa nhận tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 82/KL.ĐGTS ngày 01/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: Một chiếc xe đạp sườn ngang, màu xanh đậm, dạng xe thể thao, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại là 80%, với số tiền là $01 \times 3.600.000đ \times 80\% = 2.880.000đ$. Phần hư hỏng thiệt hại của xe là 5%, với số tiền là $2.880.000đ \times 5\% = 144.000đ$.

Đối với thương tích của anh Dương B bị N dùng búa đánh gây nên làm tổn hại sức khỏe là 03%, trong quá trình điều tra anh B không yêu cầu khởi tố xử lý hình sự đối với N và L về Tội cố ý gây thương tích, nên Cơ quan điều tra không khởi tố hình sự.

Tại Cáo trạng số 53/QĐ-KSĐT ngày 25/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo Đoàn Trọng N và Trần Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đoàn Trọng N và Trần Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đoàn Trọng N và Trần Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 138; điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 bơm tiêm đã qua sử dụng;

Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ: 01 xe mô tô biển số 83H1-0730.

Trả cho người làm chứng ông Dương B: 01 cây leng dài 31cm, rộng 16cm, cán dài 1.2m.

Trả cho người làm chứng ông Lương Nguyễn H: 01 cây búa cán dài 33cm, đầu búa làm bằng sắt, hai đầu bằng dài 13cm.

Tại phiên tòa, người bị hại ông Lưu Kim C thừa nhận đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường và yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ thừa nhận xe mô tô biển số 83H1-0730 là của bà bỏ tiền ra mua cho bị cáo N sử dụng và nhờ bị cáo N đứng tên giấy tờ mua bán, việc bị cáo N sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội thì bà không biết. Nay bà yêu cầu được nhận lại.

Tại phiên tòa, bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội, không oan sai cho bị cáo. Bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo L không thừa nhận hành vi phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Lương Nguyễn H có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt người làm chứng bà Dương Thị H không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra thì những người làm chứng đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của những người làm chứng cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để xét xử vắng mặt đối với những người làm chứng.

2. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh L không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng vào ngày 30/4/2017, khi bị cáo nằm ngủ tại nhà trọ số 1A đường D, Khóm 3, Phường 2, thành phố S của vợ là Phạm Thị Y cùng với em vợ là Phạm Minh T, thì N đến nhà trọ nên bị cáo kêu N chở đến Khu công nghiệp A để xin việc làm, N mới điều khiển xe mô tô chở bị cáo đi trên đường Quốc lộ 60 được một đoạn thì dừng lại đổi cho bị cáo điều khiển xe chở ra đường T thì ghé vào đồ xăng, khi đồ xăng xong thì N kêu bị cáo quay xe lại, bị cáo mới điều khiển xe quay chở lại đến nhà Số 19 đường T thì dựng xe trên lề đường đứng đợi còn N đi vào trong nhà khoảng 05 phút thì N đi ra và vác theo 01 chiếc xe đạp, bị cáo điều khiển xe chở N chạy ra đường Quốc lộ 60. Khi đến đoạn đường giao lộ giữa đường N và đường tránh Trung tâm thành phố S thì N và bị cáo bị té ngã lúc đó có một người thanh niên rượt đuổi đánh nên bị cáo bỏ chạy bộ đi một đoạn thì N kêu lại lấy xe chở N khoảng 30 mét thì bị hư, nên bị

cáo và N dẫn xe vào một nhà kho đang xây dựng, N dẫn xe chạy vào nhà vệ sinh trốn, còn bị cáo vào xin nước uống và đứng phía trước nói chuyện với mấy người thợ điện, một lúc sau thì bị công an đến bắt giữ.

Qua đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo N, những người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị cáo N, những người làm chứng ông Dương B, ông Danh Văn H, bà Phạm Thị Y và anh Phạm Minh T đều cho rằng lời khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện khai, không có ai ép buộc và cũng được nghe đọc lại đúng nội dung khai đồng ý ký tên vào biên bản và được giải thích quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Cụ thể:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/6/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay người làm chứng Phạm Minh T đã khai nhận: Giữa T và L không có quan hệ bà con cũng không có mâu thuẫn gì với nhau, L sống chung như vợ chồng với chị của T là Phạm Thị Y và vào tối ngày 29/3/2017 đến sáng ngày 30/4/2017, thì L không có lại Nhà trọ số 1A đường D, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng của T mà chỉ có T cùng với chị Y và cháu V ở nhà trọ.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 20/6/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị Y đã khai nhận: Giữa bà và L có sống chung với nhau như vợ chồng, vào tối ngày 29/3/2017 đến sáng ngày 30/4/2017 thì không có ai tên Đoàn Trọng N đến Nhà trọ số 1A đường D, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để chở L.

Tại các biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2017 cũng như biên bản nhận dạng của bà Dương Thị H đều khai nhận: bà với L không có quan hệ bà con cũng không có mâu thuẫn với nhau, vào khoảng 08 giờ ngày 30/4/2017, khi đang giữ kho tại công ty Sao Nam thì có hai người thanh niên lạ mặt chạy vào, người mập là Đoàn Trọng N dẫn xe ra phía sau nhà vệ sinh còn người ốm là Trần Thanh L ngồi lại xin nước uống rồi kêu bà nếu công an đến thì nói L là thợ phụ điện.

Tại các biên bản ghi lời khai của người làm chứng ông Dương B cũng như tại phiên tòa hôm nay đều khai nhận: Ông với bị cáo L không có quan hệ bà con cũng không có mâu thuẫn với nhau, vào ngày 30/4/2017 khi đang điều khiển xe trên đường T thì bị cáo L đậu xe bên ngoài nhà Số 19 đường T, Khóm 3, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng của ông C còn bị cáo N đi vào nhà lấy xe đạp vác ra rồi lên xe cho bị cáo L chở đi nên ông cùng với anh H tri hô và đuổi theo. Khi đến đoạn đường giao lộ giữa đường N và đường tránh Trung tâm thành phố S thì các bị cáo bị té ngã, bị cáo N bỏ chạy vào nhà lấy một cây búa

chạy ra đánh ông và anh H, còn bị cáo L lượm đá ném về phía ông và anh H để hỗ trợ nhưng không trúng, sau đó các bị cáo bỏ chạy.

Tại các biên bản ghi lời khai của người làm chứng ông Danh Văn H cũng như tại phiên tòa hôm nay đều khai nhận: Ông với bị cáo L không có quan hệ bà con cũng không có mâu thuẫn với nhau, vào ngày 30/4/2017 khi đang điều khiển xe từ nhà ở đường T thì nhìn thấy bị cáo L đậu xe bên ngoài nhà Số 19 đường T, Khóm 3, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng của ông C còn bị cáo N đi vào nhà lấy xe đạp vác ra rồi lên xe cho bị cáo L chở đi nên ông kêu anh B đuổi theo. Khi đến đoạn đường giao lộ giữa đường N và đường tránh Trung tâm thành phố S thì các bị cáo bị té ngã, bị cáo N bỏ chạy vào nhà lấy một cây búa chạy ra đánh ông và anh B, còn bị cáo L lượm đá ném về phía anh B để hỗ trợ nhưng không trúng, sau đó các bị cáo bỏ chạy.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2017 của bị cáo L khai là nhờ bị cáo N chở đi xin việc làm nhưng cũng không đem theo hồ sơ và cũng không đi vào Công ty hay xí nghiệp nào để xin việc.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đoàn Trọng N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung truy tố của Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu, lời nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng ông Dương B, ông Danh Văn H, bà Phạm Thị Y, anh Phạm Minh T và bà Dương Thị H, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường cũng như, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét lời khai của các bị cáo và những người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào tối ngày 29/3/2017 đến sáng ngày 30/4/2017, bị cáo L không có mặt tại Nhà trọ số 1A đường D, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng như lời khai của bị cáo L và việc bị cáo L cho rằng chỉ nhờ bị cáo N chở đi xin việc làm là không có cơ sở vì thực chất bị cáo L không đem theo hồ sơ xin việc cũng như không đi vào Công ty hay xí nghiệp nào để xin việc. Ngoài ra, khi quay lại trở lại nhà Số 19 đường T, Khóm 3, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì bị cáo L đậu xe đứng đợi và biết rõ bị cáo N đi vào nhà để lấy trộm tài sản, lúc N lấy trộm được xe đạp vác ra bên ngoài thì bị cáo L điều khiển xe tăng ga chở N tẩu thoát. Khi bị anh B và anh H đuổi kịp thì bị cáo L còn lượm đá ở ven đường ném về phía anh B và anh H để hỗ trợ cho bị cáo N, lúc chạy vào kho công ty Sao Nam, bị cáo kêu bà H nếu công an đến thì nói là thợ phụ điện.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bị cáo Trần Thanh L là đồng phạm cùng thống nhất với bị cáo Đoàn Trọng N đột nhập

vào nhà của người bị hại, lén lút lấy trộm được 01 chiếc xe đạp sườn ngang, màu xanh đậm, dạng xe thể thao. Qua định giá tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại có giá trị là 2.880.000đ. Ngoài ra, sau khi bị ông Dương B và ông Danh Văn H phát hiện các bị cáo còn tấn công ông B và ông H để tẩu thoát, nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp hành hung để tẩu thoát. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặc dù các bị cáo đã cùng thống nhất thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo. Nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Vai trò của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Đoàn Trọng N là người khởi xướng, rủ rê bị cáo L cùng đi tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Bị cáo còn là người thực hành tích cực, chính bị cáo là người đã cung cấp xe mô tô để làm phương tiện cho bị cáo L chở đi tìm tài sản, bị cáo còn trực tiếp đột nhập vào nhà người bị hại lấy để lấy trộm tài sản và trực tiếp dùng búa tấn công ông Dương B để tẩu thoát. Nên cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc hơn thì mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Thanh L là một đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực, sau khi nghe bị cáo N rủ đi tìm tài sản để lấy trộm thì bị cáo đồng tình hưởng ứng. Chính bị cáo là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo N đi tìm tài sản để lấy trộm, bị cáo còn là người đứng canh giới, canh đường cho bị cáo N đột nhập vào nhà của người bị hại để lấy trộm tài sản và sau khi lấy trộm được tài sản thì bị cáo chở đồng bọn tẩu thoát. Sau khi phạm tội cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo không thành khẩn khai báo mà quanh co chối tội nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình. Do đó, đối với bị cáo cần phải có hình phạt nghiêm khắc để cải tạo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Đoàn Trọng N không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; tài sản đã kịp thời thu hồi trả lại cho người bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trần Thanh L sau khi phạm tội bị cáo luôn quanh co không thừa nhận hành vi phạm tội gây cản trở cho việc điều tra, truy tố và xét xử. Tuy nhiên, tài sản đã kịp thời thu hồi trả lại cho người bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm g Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về vật chứng của vụ án cần xử lý như sau:

- Đối với 01 bom tiêm đã qua sử dụng là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 83H1-0730 là của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ việc bị cáo N sử dụng xe mô tô để làm phương tiện phạm tội thì bà không biết nên cần trả cho bà Đ.

- Đối 01 cây leng là của người làm chứng ông B không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả cho ông B.

- Đối với 01 cây búa cán dài 33cm là của người làm chứng ông H không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả cho ông H.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về tội danh, về hình phạt và việc áp dụng pháp luật như đã nhận định như trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Trọng N và Trần Thanh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 138; điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Trọng N.

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thanh L.

1. Xử phạt bị cáo Đoàn Trọng N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2017.

2. Xử phạt bị cáo Trần Thanh L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lương Kim C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 của Bộ luật Hình sự; điểm b, đ Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bom tiêm đã qua sử dụng.

- Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ: 01 xe mô tô biển số 83H1-0730.

- Trả cho người làm chứng ông Dương B: 01 cây leng dài 31cm, rộng 16cm, cán dài 1.2m.

- Trả cho người làm chứng ông Lương Nguyễn H: 01 cây búa cán dài 33cm, đầu búa làm bằng sắt, hai đầu bằng dài 13cm.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Báo cho các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Định

